

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 852/2020/QĐST – DS ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1982 – theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2020.

Địa chỉ: phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà C.

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà C có đơn xin vắng mặt, bà P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn ông T trình bày: Nguyên do quen biết nhau nên ngày 20/8/2018 bà P nhờ bà D vay cho bà P

10.000.000 đồng để bà mua cá khô và đồ ăn cho con gái lấy chồng nước ngoài nên bà D đã đi vay tiền đưa cho bà P 10.000.000 đồng. Sau đó với các lý do khó khăn trong cuộc sống và trong công việc làm ăn và vì chỗ quen biết, tin tưởng muốn giúp bà P trong lúc khó khăn nên bà D tiếp tục đi vay để đưa tiền cho bà P nhiều lần tiếp theo cụ thể như sau:

Ngày 21/9/2018 bà P vay 10.000.000 đồng, ngày 08/10/2018 vay 15.000.000 đồng, ngày 30/10/2018 vay 2.000.000 đồng, ngày 08/11/2018 vay 3.000.000 đồng, ngày 19/11/2018 vay 10.000.000 đồng, ngày 30/3/2019 vay 6.000.000 đồng, ngày 25/02/2019 vay 5.000.000 đồng, ngày 26/02/2019 vay 5.000.000 đồng, ngày 05/8/2019 vay 10.000.000 đồng, ngày 20/8/2019 vay 5.000.000 đồng, sau đó bà P vay thêm 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà P đã vay của bà D là 84.000.000 đồng và đây cũng là số tiền bà D đứng ra vay dùm cho bà P. Số tiền trên bà D vay mượn của bà C 45.000.000 đồng và tiền của một số người khác để cho bà P vay mượn. Tất cả các lần vay bà D đều để bà P thỏa thuận miệng về lãi suất là 2%/01 tháng. Từ khi vay cho đến tháng 06/2019 bà P chỉ thanh toán cho bà D là 8.250.000 đồng tiền lãi để bà D đi đóng cho người mà bà đã đi vay dùm cho bà P. Bà D cũng đã đóng lãi cho bà P tổng số tiền là 39.350.000 đồng. Vì bà D vay dùm cho bà P nhiều lần, nhiều thời điểm vay khác nhau nên khi đến thời điểm đóng tiền lãi cho từng lần vay bà P chưa đóng mà bà phải đóng trước cho bà P. Khi bà D đóng tiền lãi vì tin tưởng với nhau nên không ghi giấy tờ về việc bà đã trả tiền lãi.

Nay bà D khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị P phải trả đủ cho bà D số tiền gốc đã vay là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi tính theo qui định pháp luật từ tháng 9/2019 đến ngày 24/9/2020 là 12 tháng là $(20\% : 12 \text{ tháng} = 1.66\% \text{ trên một tháng}) = 84.000.000 \text{ đồng} \times 12 \times 1.66\% = 16.732.800 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P: Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Do quen biết, bà D nói bạn bà đang khó khăn nên từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2019 bà cho bà D vay số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi vay bà D đóng lãi nhiều lần tổng cộng 16.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa bà với bà D do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Bà D khởi kiện bà P bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đất văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà P phải trả cho bà D số tiền 100.732.800 đồng. Bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Nguyễn Thị P nhưng bà không đến tòa tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử, ông T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà C người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông T bà C, bà P.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị P hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bà P nhưng căn cứ sổ ghi nợ của bà D được bà P xác nhận có nhờ bà D vay dùm số tiền trên. nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định bà P có nợ của bà D số tiền 84.000.000 đồng là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà P vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như bà P đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ D, buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại số tiền gốc là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi tính theo qui định pháp luật từ tháng 9/2019 đến ngày 24/9/2020 là 12 tháng là $(20\% : 12 \text{ tháng} = 1.66\% \text{ trên một tháng}) = 84.000.000 \text{ đồng} \times 12 \times 1.66\% = 16.732.800 \text{ đồng}$. Tổng cộng 100.732.800 đồng.

[4] Về án phí DSST: Bà P phải chịu 5.036.640 đồng (năm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho bà D số tiền 3.363.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009299 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 39, 203, 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Lệ D.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Trần Thị Lệ D số tiền 100.732.800 đồng (một trăm triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn tám trăm đồng). Trong đó tiền gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi là 16.732.800 đồng.

Án phí DSST: Bà P phải chịu 5.036.640 đồng (năm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho bà D số tiền 3.363.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009299 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

